UBND HUYỆN CỦ CHI
TRƯỜNG THCS PHƯỚC VĨNH AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 63/BC-THCSPVA

Củ Chi,, ngày 20 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO
Về tổng hợp kết quả thực hiện quy chế công khai và kết quả kiểm tra công tác thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của các cơ sở giáo dục năm học 2022-2023

I. Trường THCS Phước Vĩnh An đã xây dựng Kế hoạch số .24./KH-THCSPVA ngày .18. tháng .9. năm 2023. về thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT.

II. NHỮNG NỘI DUNG CÔNG KHAI TRONG KẾ HOẠCH CỦA ĐƠN VỊ

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường; chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 09).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh học 2 buổi/ngày; số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, học sinh nam/ học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số (Theo Biểu mẫu 10).

c) Xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia:

Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục:

Công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (Theo Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng, hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Các khoản chi theo từng năm học:

Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị;

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội;

d) Kết quả kiểm toán (nếu có):

Thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại Quyết định số 1562/QĐ-KTNN ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Kiểm toán nhà nước ban hành Quy định về công khai kết quả kiểm toán, kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

e) Mức thu học phí và các khoản thu khác cho năm học 2022 - 2023

f) Các nguồn thu ngoài học phí:

Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao

công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác.

g) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Hình thức:

- Công khai trên website của nhà trường:

http://thcsphuocvinhan.hcm.edu.vn

- Niêm yết công khai tại nhà trường.

- Công khai trong các kỳ họp CMHS.

2. Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) hoặc khi có thông tin mới hoặc thay đổi nội dung liên quan.

Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

3. Đã công khai các nội dung:

Nhà trường đã triển khai Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, nhà trường thực hiện nghiêm túc việc công khai theo quy định.

3.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

- Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2022-2023 theo biểu mẫu 09.

- Chất lượng giáo dục thực tế năm học 2022-2023 theo biểu mẫu 10.

- Kiểm định cơ sở giáo dục: Nhà trường tiếp đoàn đánh giá ngoài của Sở Giáo dục và Đào tạo vào tháng 4/2023, kết quả đánh giá: đạt cấp độ 1.

3.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

- Cơ sở vật chất của trường trong năm học 2022-2023 theo biểu mẫu 11.

- Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2022-2023 theo biểu mẫu 12.

3.3. Công khai thu chi tài chính:

- Công khai Quyết định số 11420/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thành phố Thủ Đức về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2023.

- Công khai Quyết định phê duyệt mua sắm trang thiết bị và sửa chữa tài sản công năm 2023.

- Công khai nâng lương trước niên hạn năm 2022 và niên hạn năm 2022, 2023.

- Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2022.

- Công khai quyết toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2022.

- Công khai tất cả các loại quỹ về thu-chi ngân sách, nguồn thu sự nghiệ thu hộ-chi hộ.

- Công khai lương, phụ cấp và trợ cấp khác và các khoản thu nhập khác c CB-GV-NV hàng tháng.

- Công khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022.

- Công khai trang thiết bị của đơn vị trong họp Liên tịch, họp Chi bộ và H đồng nhà trường (khi có trang bị mới).

IV. VIỆC THỰC HIỆN BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI CỦA NĂM HỌC TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH TRIỂ KHAI QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2023-2024

Nhà trường báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 202 2023 và kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024 vào đầu nă học và trong Hội nghị viên chức, người lao động năm học 2023-2024.

V. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ:

1. Ưu điểm:

- Nhà trường triển khai đầy đủ kế hoạch thực hiện quy chế công khai c năm học 2022-2023 đến tập thể CB, GV, NV và phụ huynh học sinh.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Thanh tra nhân dân giám sát việc thự hiện công khai của nhà trường.

2. Hạn chế:

Chưa thực hiện tuyên dương, khen thưởng đối với các cá nhân thực hiện tố quy chế công khai.

VI. ĐỀ NGHỊ: Không.

Nơi nhận:
- Cán bộ quản lý;
- Chi đoàn giáo viên;
- TPT Đội;
- CB-GV-CNV;
- Lưu: VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHƯỚC VĨNH AN

Nguyễn Thị Minh Duyên

Biểu mẫu 09

UBND HUYỆN CỦ CHI
TRƯỜNG THCS PHƯỚC VĨNH AN

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường THCS Phước Vĩnh An
Năm học 2022 – 2023

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	Điều kiện tuyển sinh	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo
I	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	BGD&ĐT	BGD&ĐT	BGD&ĐT	BGD&ĐT
II	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Trên 95%	Trên 95%	Trên 95%	Trên 95%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ khả năng	Đủ khả năng	Đủ khả năng	Đủ khả năng

Củ Chi, ngày 8 tháng 9 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHT

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHƯỚC VĨNH AN

Nguyễn Thị Minh Duyên

Biểu mẫu 10

UBND HUYỆN CỦ CHI
TRƯỜNG THCS PHƯỚC VĨNH AN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS Phước Vĩnh An Năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**1112**	**304**	**251**	**295**	**262**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1054 94,79%	285 93,75%	241 96,02%	254 86,1%	256 97,71%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	58 5,21%	1 6,25%	10 3,98%	41 13,9%	6 2,29%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**1112**	**304**	**251**	**295**	**262**
1	Giỏi / Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	344 30,9%	121 39,8%	71 28,29%	85 28,81%	67 25,57%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	415 37,3%	103 33,88%	94 37,45%	109 36,95%	109 41,6%
3	Trung bình / Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	287 25,8%	62 20,39%	73 29,88%	67 22,71%	85 32,44%
4	Yếu / Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	57 5,1%	18 5,92%	11 4,38%	27 9,15%	1 0,38%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	7 0,9%			7 2,37%	
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**1112**	**304**	**251**	**295**	**262**
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1089 97,8%	299 98,4%	247 98,4%	281 953%	262 100%
a	Học sinh giỏi / HSXS (tỷ lệ so với tổng số)	136 31,3%	46 15,13%	28 11,16%	85 28,81%	67 25,57%
b	Học sinh tiên tiến / HSG (tỷ lệ so với tổng số)	219 50,5%	75 24,67%	43 17,13%	109 36,95%	109 41,6%

2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	51 4,6%	16 5,3%	9 3,6%	26 8,8%	0 0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	23 2,1%	5 1,6%	4 1,6%	14 4,7%	0 0%
4	Chuyển trường đến	32	8	13	3	8
	Chuyển trường đi	28	1	9	9	9
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	11	03	03	04	3
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**					
1	Cấp huyện	14				14
2	Cấp tỉnh/thành phố	1				1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0				
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	262				262
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	261 99,6%				261 99,6%
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	67 25,7%				67 25,7%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	109 41,8%				109 41,8%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	85 32,5%				85 32,5%
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	540/572				
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	24	7	7	4	6

Củ Chi, ngày 20 tháng 9 năm 20

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHƯỚC VĨNH AN

Nguyễn Thị Minh Duyên

Biểu mẫu 11

UBND HUYỆN CỦ CHI
TRƯỜNG THCS PHƯỚC VĨNH AN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS Phước Vĩnh An
Năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	28	28
II	**Loại phòng học**		
1	Phòng học kiên cố	28	28
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	6	6
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	1
7	Bình quân lớp/phòng học	28 lớp/28 phòng	1Phòng/lớp
7	Bình quân học sinh/lớp	42	-
III	**Số điểm trường**	2	-
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	10390 m^2	8,7m^2/1 HS
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	2.581,34	2.581,34
VI	**Tổng diện tích các phòng**	m^2	
1	Diện tích phòng học (m^2)	72m^2	72m^2
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	72m^2	72m^2
3	Diện tích thư viện (m^2)	124m^2	124m^2
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	72m^2	72m^2
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	72m^2	72m^2
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		

1.1	Khối lớp 6	Còn thiếu thiếu bị cho trương trình mới	Còn thiế thiếu bị c trương trì mới
1.2	Khối lớp 7	Còn thiếu thiếu bị cho trương trình mới	Còn thiếu thiếu bị ch trương trìn mới
1.3	Khối lớp 8	Đủ	Đủ
1.4	Khối lớp 9	Đủ	Đủ
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	120	120
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	37	1 lượt HS/1bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		
1	**Ti vi**	28	
2	**Cát xét**	6	
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	0	
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	2	
5	**Thiết bị khác: bảng tương tác**	1	
6	**Máy Photocopy**	1	

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	
XI	**Nhà ăn**	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/ch
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**			
XIII	**Khu nội trú**	không	-	-

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		16 phòng/ 16 phòng	104m^2	52m^2/52m^2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	Không có	Không có			

*(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Củ Chi, ngày 20 tháng 9 năm 2023

KT.HIỆU TRƯỞNG

P.HT

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHƯỚC VĨNH AN

Nguyễn Thị Minh Duyên

Biểu mẫu 12

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI
TRƯỜNG THCS PHƯỚC VĨNH AN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường THCS Phước Vĩnh An, năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên														
I	**Giáo viên** Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	5			5				1	4		2			
2	Văn	6			6				2	4		6			
3	Tiếng Anh	6			6				4	2		6			
4	Lý	3			3				2	1		3			
5	Hóa	3			3				2	1		3			
6	Sinh	3			3				1	2		3			
7	Sử	3			3					3		3			
8	Địa	3			3				1	2		3			
9	Công dân	2			2				1	1		2			
10	Công nghệ	4			2	2			2	2		4			
11	Tin học	2			2				1	1		2			
12	Thể dục	4			3	1			4	0		4			
13	Nhạc	0													
14	Mỹ thuật	1			1				1			1			
II	**Cán bộ quản lý**														
1	Hiệu trưởng	1			1					1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2		2			
III	**Nhân viên**														
1	Nhân viên văn thư	1													

2	Nhân viên kế toán														
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1													
9	Nhân viên bảo vệ	1													
10	Nhân viên phục vụ	1													

Củ Chi, ngày 20 tháng 9 năm 20

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHƯỚC VĨNH AN

Nguyễn Thị Minh Duyên